TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN TỊNH** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2019/HNGĐ-ST
Ngày 25 - 9 - 2019
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN TỊNH, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Quang Ý.

2. Ông Nguyễn Đức Thành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đại Nghĩa – Thư ký TAND huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi: Bà Lê Thị Mỹ Loan – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Kim C**, sinh năm: 1996; có mặt.

Địa chỉ: Thôn 7, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bị đơn: Anh **Trần Văn Đ**, sinh năm 1996; có mặt.

Địa chỉ: Xóm 9, thôn B, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/02/2019, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị Kim C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn Đ tự nguyện tìm hiểu nhau đăng ký kết hôn vào ngày 23/3/2017 tại UBND xã T. Sau khi kết hôn vợ chồng

sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 8/2018 đến nay, phần ai nấy sống không ai quan tâm đến ai. Sau buổi hòa giải ngày 30/7/2019 chị vẫn giữ nguyên yêu cầu.

Nay chị thấy tình cảm giữa chị với anh Trần Văn Đ không còn, chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn Đ.

Về con chung: Có 01 người con chung tên là Trần Hữu Th, sinh ngày 22/10/2017. Hiện cháu đang được chị trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi cháu, chị yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con hằng tháng là 1.000.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng có nợ của anh Lê Hùng C1 số tiền là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Tuy nhiên anh C1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn: Anh Trần Văn Đ trình bày tại bản tự khai, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lê Thị Kim C tự nguyện tìm hiểu nhau và đăng ký kết hôn vào ngày 23/3/2017 tại UBND xã T. Sau khi kết hôn được 01 năm thì chị C muốn anh và chị về xã Đ, huyện M làm ăn sinh sống, nhưng anh không đồng ý, vì ở quê còn có cha mẹ già. Do đó vợ chồng bất đồng với nhau dẫn đến không có tiếng nói chung, chị C về nhà cha mẹ đẻ sống từ tháng 8/2018 đến nay. Sau buổi hòa giải ngày 30/7/2019 anh vẫn mong chị C thay đổi để gia đình đoàn tụ. Nay chị Lê Thị Kim C muốn ly hôn với anh thì anh không đồng ý vì anh còn thương chị C.

Về con chung: Có 01 người con chung tên là Trần Hữu Th, sinh ngày 22/10/2017. Hiện cháu đang được chị C trực tiếp nuôi dưỡng. Vì không đồng ý ly hôn nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng có nợ của anh Lê Hùng C1 số tiền là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Vì không muốn ly hôn nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, vợ chồng anh sẽ tự trả khoản nợ này cho anh C1.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng từ khi thụ lý cho đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án và phát biểu về việc giải quyết vụ án: Việc Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định của Bộ

luật Tố tụng Dân sự. Các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đều tuân theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều luật: Căn cứ vào Điều 28; 147 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 51; 53; 56; 81; 82; 83; 84; 110; 116; 117, Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị C và anh Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị C, cho chị C ly hôn với anh Đ. Về con chung: Giao cháu Trần Hữu Th cho chị C tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đ phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con hằng tháng là 1.000.000 đồng. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập đến. Về nợ chung: Vợ chồng có nợ của anh Lê Hùng C1 số tiền là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Anh C1 không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Các đương sự phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Kim C và anh Trần Văn Đ kết hôn là tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện S vào ngày 23/3/2017. Anh Đ và chị C là vợ chồng hợp pháp. Trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn. Xét thấy: Tuy chị C và anh Đ mới kết hôn vào tháng 3/2017 nhưng đến tháng 8/2018 vợ chồng anh chị đã sống ly thân, phần ai nấy sống không còn quan tâm đến nhau, chị C về quê chị C ở huyện Mộ Đức sống, mặc dù anh Đ yêu cầu đoàn tụ nhưng tại các buổi hòa giải cũng như tại phiên tòa anh Đ không có thiện chí để vợ chồng có thể hàn gắn. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh Đ và chị C đã đến mức lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy chấp nhận yêu cầu của chị C, cho chị Lê Thị Kim C ly hôn anh Trần Văn Đ là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Anh Đ và chị C có 01 người con chung tên là Trần Hữu Th, sinh ngày 22/10/2017.

Xét thấy: Hiện cháu Th đang được chị C trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Th còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi, vì vậy có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị C, giao

cháu Th cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đ hiện nay có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, anh Đ không chung sống với con, vì vậy chấp nhận yêu cầu của chị C buộc anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con hằng tháng, mỗi tháng là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) kể từ tháng 10/2019 đến khi con đủ 18 tuổi, là phù hợp theo quy định tại Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập.

Về nợ: Chị C và anh Đ đều thừa nhận có nợ của anh Lê Hùng C1 số tiền là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Ngày 02/7/2019 anh C1 có đơn trình bày và không yêu cầu anh Đ và chị C trả cho anh C1 khoản nợ này, nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[4] Án phí: Các đương sự phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; 147; 235; 266; 271 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 51; 56; 81; 82; 83; 84; 110; 116; 117 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận Đơn khởi kiện của chị Lê Thị Kim C. Chị Lê Thị Kim C ly hôn anh Trần Văn Đ.

+ Về con chung: Anh Đ và chị C có 01 người con chung tên là Trần Hữu Th, sinh ngày 22/10/2017.

Giao cháu Trần Hữu Th cho chị Lê Thị Kim C tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Trần Văn Đ phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) kể từ tháng 10/2019 đến khi con đủ 18 tuổi.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích; Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

+ Án phí: Chị Lê Thị Kim C phải chịu 300.000,đồng tiền án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị C đã nộp là 300.000,đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0003055 ngày 06/3/2019 của C cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Tịnh. Chị C đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Trần Văn Đ phải chịu 300.000,đồng tiền án phí phần cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không chịu thi hành thì phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

+ Kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Sơn Tịnh;
- Chi cục THADS huyện Sơn Tịnh;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nga

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Sơn Tịnh;
- Đương sự;
- Lưu HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ